français de sammi

Leçon 2

Mots nouveaux

(a) Người Đức : _____

(n) Trợ lý, phụ tá : _____

(n) Thẻ : _____

(a) Người Bỉ: _____

(n) Văn phòng: _____

(n) Cà phê : _____

(n) Danh thiếp : _____

(a) Người Trung Quốc : _____

(a) Có tính thương mại : _____

(n) Khoá học tiếng Ý : _____

(n) Nha sỹ: _____

(n) Giám đốc: _____

(a) Người Tây Ban Nha: _____

Và: _____

(v) Ở: _____

(a) Người Nhật: _____

(n) Số: _____

Hay/ hoặc: _____

(n) Nhiếp ảnh gia: _____

(a) Người Ba Lan: _____

(n) Giáo sư: _____

(n) Cuộc hẹn gặp mặt: _____

(n) Đường phố: _____

(n) Thư ký: _____

Xin vui lòng: _____

(a) Dễ thương, tốt búng: _____

(n) Điện thoại:_____

(n) Trà: _____

Cú pháp trả lời:

"câu trả lời" hoặc *"câu trả lời 1, câu trả lời 2"* (Nếu có 2 đáp án)

Nếu là danh từ, ghi cả mạo từ (un, une, des) và danh từ giống đực và cái (nếu có)

danh từ giống đực, danh từ giống cái

Ghi chú:

n: danh từ

a: tính từ

v: động từ

LIVEWORKSHEETS